

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016



Tháng 1 năm 2017

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 45

23 - C
TY
HỮU HẠN
V VÀ
CHÍNH
T.P.H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng Quản trị
3. Ông Nguyễn Lê Trung	Ủy viên Hội đồng Quản trị
4. Bà Hòa Thị Thu Hà	Ủy viên Hội đồng Quản trị
5. Ông Phạm Đình Ngu	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Trần Hoàng Hoan	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2016)
4. Bà Trần Thị Thoán	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Anh Dương
Chủ tịch HĐQT

Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 04.01/2017/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 01 năm 2017, từ trang 6 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và

Tư vấn Tài chính Quốc tế

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Trần Thiện Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.123.392.357.975	807.996.288.735
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	271.195.540.667	340.135.133.873
1. Tiền	111		119.168.304.270	184.950.133.873
2. Các khoản tương đương tiền	112		152.027.236.397	155.185.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		392.511.532.808	261.828.536.864
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	204.674.630.115	95.744.225.206
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	148.079.904.039	75.157.215.135
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	40.224.129.892	90.927.096.523
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(467.131.238)	-
III. Hàng tồn kho	140	5.5	417.363.145.829	185.010.410.221
1. Hàng tồn kho	141		417.363.145.829	185.010.410.221
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		42.322.138.671	21.022.207.777
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	21.266.549.943	14.666.447.772
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.055.588.728	6.355.760.005
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.661.629.490.029	1.012.840.136.561
I. Tài sản cố định	220		1.304.914.037.031	502.626.611.247
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.232.275.819.024	484.963.621.665
- Nguyên giá	222		1.573.025.768.925	761.280.231.481
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(340.749.949.901)	(276.316.609.816)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	72.638.218.007	17.662.989.582
- Nguyên giá	228		75.966.426.029	20.333.883.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.328.208.022)	(2.670.893.518)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		208.354.542.284	191.029.377.412
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	208.354.542.284	191.029.377.412
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		126.274.171.611	306.487.553.255
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.12	93.367.618.356	273.581.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.13	32.906.553.255	32.906.553.255
IV. Tài sản dài hạn khác	260		22.086.739.103	12.696.594.647
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	22.086.739.103	12.696.594.647
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.785.021.848.004	1.820.836.425.296

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.879.120.984.366	1.039.632.585.535
I. Nợ ngắn hạn	310		1.051.544.496.328	586.432.424.269
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	301.189.460.907	196.771.104.219
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	10.691.662.256	11.870.532.167
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.6	6.473.529.463	5.523.024.485
4. Phải trả người lao động	314		8.583.828.552	4.352.175.205
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	5.243.946.325	3.202.922.046
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	719.337.640.571	364.130.606.839
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		24.428.254	582.059.308
II. Nợ dài hạn	330		827.576.488.038	453.200.161.266
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	827.576.488.038	453.200.161.266
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		905.900.863.638	781.203.839.761
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	905.900.863.638	781.203.839.761
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		569.649.880.000	494.999.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		569.649.880.000	494.999.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.721.267.329	147.408.567.329
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.886.962.310	31.886.168.760
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.612.477.781	11.612.477.781
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		130.030.276.218	95.296.745.891
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		51.280.874.906	40.538.200.281
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		78.749.401.312	54.758.545.610
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.785.021.848.004	1.820.836.425.296



Phạm Anh Dương
 Chủ tịch HĐQT

Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017

HuHa

Hòa Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng

Hòc

Hồ Thị Hòc
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.054.755.011.168	1.523.377.869.886
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.607.150.157	1.416.290.965
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	2.053.147.861.011	1.521.961.578.921
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.790.221.564.273	1.359.334.744.495
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		262.926.296.738	162.626.834.426
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	27.383.398.861	43.705.449.520
7. Chi phí tài chính	22	6.4	49.381.124.579	47.262.703.114
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.874.478.344	22.863.218.404
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	42.175.002.551	62.925.006.115
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	55.359.918.016	34.991.346.462
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		143.393.650.453	61.153.228.255
11. Thu nhập khác	31	6.6	8.057.236.655	1.755.733.450
12. Chi phí khác	32	6.7	22.255.986	3.907.478
13. Lợi nhuận khác	40		8.034.980.669	1.751.825.972
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		151.428.631.122	62.905.054.227
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	20.779.241.810	8.146.508.617
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		130.649.389.312	54.758.545.610



Phạm Anh Dương
Chủ tịch HĐQT

Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	151.428.631.122	62.905.054.227
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	79.588.965.601	71.603.681.992
Các khoản dự phòng	03	467.131.238	-
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	10.341.639.424	1.196.042.264
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(16.371.512.626)	(33.484.789.840)
Chi phí lãi vay	06	23.874.478.344	22.863.218.404
3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	249.329.333.103	125.083.207.047
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(228.439.200.246)	(156.405.312.066)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(232.352.735.608)	(53.221.361.239)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	196.344.837.711	92.981.351.533
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(15.990.246.627)	(11.197.139.671)
Tiền lãi vay đã trả	14	(23.874.478.344)	(22.863.218.404)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(19.846.985.339)	(1.360.065.804)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	82.589.244.341	62.548.671.052
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.926.400.997)	(5.902.278.906)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.833.367.994	29.663.853.542

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.012.094.415.910)	(254.496.759.327)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	27.305.278.908	5.661.363.636
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	30.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(213.200.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	182.297.428.509	18.619.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.726.330.554	32.775.172.691
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(792.765.377.939)	(380.641.223.000)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	84.247.500.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.255.379.285.446	1.642.630.442.594
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.533.347.859.562)	(1.279.498.280.470)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(86.362.442.100)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	719.916.483.784	363.132.162.124
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(69.015.526.161)	12.154.792.666
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	340.135.133.873	327.833.894.721
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		75.932.955	146.446.486
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	271.195.540.667	340.135.133.873



Phạm Anh Dương
Chủ tịch HĐQT
 Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Handwritten signature of Hòa Thị Thu Hà

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Handwritten signature of Hồ Thị Hòe

Hồ Thị Hòe
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 2 năm 2009. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 23 tháng 12 năm 2016.

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT PLASTIC AND GREEN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHAT., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Số B9, Ngách 6/106, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.589 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.405 người).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 22 ngày 23 tháng 12 năm 2016, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 569.649.880.000 đồng tương đương với 56.964.988 cổ phần phổ thông và mệnh giá mỗi cổ phần phổ thông là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Sản xuất, kinh doanh nhựa và bao bì nhựa các loại.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
- In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyển giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu huỷ rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 2 Công ty con sau:

1. Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (“Công ty con”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại, Công ty con đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 thay đổi lần thứ 06 ngày 18 tháng 10 năm 2016.

Công ty con có tên giao dịch: AN PHAT - YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là AnphatYenbaiM&P., JSC.

Trụ sở của Công ty con tại Khu công nghiệp phía nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính: Sản xuất sản phẩm từ nhựa Plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa (PE, PP).

2. Công ty TNHH Nhựa Thakhek (“Công ty con”) là Công ty TNHH được thành lập theo Thỏa thuận phát triển dự án số 007/TSZ ngày 05 tháng 03 năm 2013 giữa Ban quản lý đặc khu kinh tế riêng biệt Thakhek, tỉnh Khammouane.

Công ty con có tên giao dịch là THAKHEK PLASTIC CO., LTD.

Trụ sở của Công ty con tại Làng Vern, huyện Thakhek, tỉnh Khammouane, CHDCND Lào.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	05 - 25
Tài sản khác	04 - 12

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất Nhà máy 1	50
Quyền sử dụng đất Nhà máy 2 và Nhà máy 3	25
Quyền sử dụng đất Nhà máy 5	40
Quyền sử dụng đất Nhà máy 6	47
Phần mềm máy vi tính	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy 1, Nhà máy 2, Nhà máy số 3, hoạt động thương mại và hoạt động khác của Công ty là 20%. Nhà máy số 5 được miễn thuế 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	687.420.079	5.602.844.977
Tiền gửi ngân hàng	118.480.884.191	179.347.288.896
Các khoản tương đương tiền (*)	152.027.236.397	155.185.000.000
Cộng	271.195.540.667	340.135.133.873

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng lãi suất 5,5%/năm.

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Phải thu khách hàng trong nước	28.964.897.691	2.594.459.109
Phải thu khách hàng nước ngoài	175.709.732.424	93.149.766.097
Cộng	204.674.630.115	95.744.225.206
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	5.315.169.086	133.285.004
Cộng	5.315.169.086	133.285.004

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Trả trước cho người bán trong nước	38.175.530.500	52.099.787.702
Trả trước cho người bán nước ngoài	109.904.373.539	23.057.427.433
Cộng	148.079.904.039	75.157.215.135
b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	1.271.234.275	10.013.592.780
Cộng	1.271.234.275	10.013.592.780

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Tạm ứng	8.178.822.238	31.219.964.303
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	3.789.210.700	37.190.398.970
- Thuế GTGT đề nghị hoàn	28.091.050.852	15.220.091.866
- Phải thu khác	165.046.102	7.296.641.384
Cộng	40.224.129.892	90.927.096.523

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,

thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.5. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	26.925.196.561	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	299.399.413.447	-	135.841.803.106	-
Công cụ, dụng cụ	11.393.154.789	-	6.003.822.867	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.064.918.516	-	14.092.508.217	-
Thành phẩm	63.580.462.516	-	29.072.276.031	-
Cộng	417.363.145.829	-	185.010.410.221	-

5.6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/bù trừ trong năm		31/12/2016	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	117.765.316.971	117.764.449.323	117.764.449.323	867.648	867.648	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.493.553.844	29.470.641	20.779.241.810	19.846.985.339	19.846.985.339	6.425.810.315	6.425.810.315	
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.682.496.789	1.665.115.930	1.665.115.930	46.851.500	46.851.500	
Các loại thuế khác	-	-	252.018.905	252.018.905	252.018.905	-	-	
Cộng	5.523.024.485	29.470.641	140.479.074.475	139.528.569.497	139.528.569.497	6.473.529.463	6.473.529.463	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.7. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	súc vật làm việc cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2016	126.168.066.886	533.514.186.563	70.166.479.663	2.237.712.418	13.768.983.000	15.424.802.951	761.280.231.481
Mua trong năm	233.424.268.603	547.064.015.840	58.677.941.987	3.251.998.141	-	4.520.696.953	846.938.921.524
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.756.291.654)	(30.941.768.847)	-	-	-	(34.698.060.501)
Giảm theo Thông tư số 45	(61.882.718)	(222.599.880)	-	(92.840.981)	(118.000.000)	-	(495.323.579)
Tại ngày 31/12/2016	359.530.452.771	1.076.599.310.869	97.902.652.803	5.396.869.578	13.650.983.000	19.945.499.904	1.573.025.768.925
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2016	29.023.890.566	217.181.898.886	22.692.445.513	1.087.267.023	3.699.322.077	2.631.785.751	276.316.609.816
Khấu hao trong năm	8.660.555.530	58.153.345.175	9.663.921.453	272.234.052	769.093.546	1.398.615.681	78.917.765.437
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.400.637.337)	(10.637.326.328)	-	-	-	(14.037.963.665)
Giảm theo Thông tư số 45	(61.882.718)	(222.599.880)	-	(92.840.981)	(69.138.108)	-	(446.461.687)
Tại ngày 31/12/2016	37.622.563.378	271.712.006.844	21.719.040.638	1.266.660.094	4.399.277.515	4.030.401.432	340.749.949.901
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2016	97.144.176.320	316.332.287.677	47.474.034.150	1.150.445.395	10.069.660.923	12.793.017.200	484.963.621.665
Tại ngày 31/12/2016	321.907.889.393	804.887.304.025	76.183.612.165	4.130.209.484	9.251.705.485	15.915.098.472	1.232.275.819.024

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.232.275.819.024 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 484.963.621.665 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 40.266.362.843 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 16.764.639.904 đồng).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	20.180.997.440	152.885.660	20.333.883.100
Tăng trong năm	55.646.428.589	-	55.646.428.589
Giảm theo Thông tư số 45	-	(13.885.660)	(13.885.660)
Tại ngày 31/12/2016	75.827.426.029	139.000.000	75.966.426.029
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	2.604.202.304	66.691.214	2.670.893.518
Khấu hao trong năm	635.533.500	35.666.664	671.200.164
Giảm theo Thông tư số 45	-	(13.885.660)	(13.885.660)
Tại ngày 31/12/2016	3.239.735.804	88.472.218	3.328.208.022
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	17.576.795.136	86.194.446	17.662.989.582
Tại ngày 31/12/2016	72.587.690.225	50.527.782	72.638.218.007

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 72.638.218.007 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 17.662.989.582 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 32.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 45.885.660 đồng).

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Nhà máy số 6 (Dự án 10ha)	161.966.410.420	190.120.286.503
- Xây dựng cơ bản dở dang	78.649.756.367	121.560.986.462
- Mua sắm máy móc thiết bị	83.316.654.053	68.559.300.041
Nhà máy số 7	41.809.579.319	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	40.297.183.319	-
- Mua sắm máy móc thiết bị	1.512.396.000	-
Nhà điều hành	4.181.074.545	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	4.181.074.545	-
Cải tạo nhà máy số 2 và 3	223.746.000	909.090.909
Cải tạo nhà máy số 5	173.732.000	-
Cộng	208.354.542.284	191.029.377.412

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.10. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn;	410.413.724	62.240.360
- Bảo hiểm xã hội;	8.394.100	112.206.600
- Bảo hiểm y tế;	-	593.600
- Bảo hiểm thất nghiệp;	1.159.045	972.350
- Tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	-	2.147.772
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	219.231.292	31.693.792
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	4.604.748.164	2.993.067.572
Cộng	<u>5.243.946.325</u>	<u>3.202.922.046</u>

5.11. Chi phí trả trước ngắn hạn/ dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	21.266.549.943	14.666.447.772
Cộng	<u>21.266.549.943</u>	<u>14.666.447.772</u>
b. Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	22.086.739.103	12.696.594.647
Cộng	<u>22.086.739.103</u>	<u>12.696.594.647</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,

thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.12. Đầu tư vào Công ty con****a. Chi tiết đầu tư Công ty con**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	79.000.000.000	-	-	79.000.000.000
Công ty TNHH Nhựa Thakhek	14.367.618.356	-	-	194.581.000.000
Cộng	93.367.618.356	-	-	273.581.000.000

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày và được xác định giá trị hợp lý trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng và số lượng cổ phiếu mà Tập đoàn đang nắm giữ. Tuy nhiên do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa thể xác định được để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC.

b. Thông tin chi tiết hoạt động của Công ty con

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	Yên Bái	91,86%	Khai thác đá, dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa; vận tải hàng hóa bằng đường bộ, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, sản xuất các sản phẩm nhựa (PP,PE); dịch vụ liên quan đến in, bán lẻ xi măng, gạch xây, vật liệu xây dựng khác; thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải.
2.	Công ty TNHH Nhựa Thakhek	CHDCND Lào	100,00%	Mua bán nhựa từ nước ngoài và nội địa nước CHDCND Lào; Sản xuất hạt nhựa tái chế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃU SỐ B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.13. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết****a. Chi tiết đầu tư Công ty liên kết**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	32.906.553.255	67.660.740.000	-	32.906.553.255
Cộng	32.906.553.255	67.660.740.000	-	32.906.553.255
				Dự phòng VND
				41.563.026.000
				41.563.026.000

(i) Giá trị hợp lý được tính toán bằng cách lấy giá đóng cửa của Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (mã chứng khoán VBC) nhân (x) với số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát đang nắm giữ cùng ngày. Giá đóng cửa của VBC trên sàn HNX tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 43.500 đồng/cổ phiếu, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 70.000 đồng/cổ phiếu.

b. Thông tin chi tiết hoạt động Công ty liên kết

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính	
1.	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (i)	Nghệ An	32,22%	Sản xuất, mua, bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; In bao bì; Mua, bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Krapt, máy móc sản xuất bao bì...); Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ; Kinh doanh nhà ở...	

(i) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh dưới hình thức mua cổ phiếu (Mã chứng khoán VBC). Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty nắm giữ 966.582 cổ phiếu, tương đương 32,22% số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh đang lưu hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	264.563.403.829	264.563.403.829	179.693.704.953	179.693.704.953
Phải trả nhà cung cấp trong nước	36.626.057.078	36.626.057.078	17.077.399.266	17.077.399.266
Cộng	301.189.460.907	301.189.460.907	196.771.104.219	196.771.104.219

5.15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Người mua trả tiền trước nước ngoài	9.328.214.301	9.328.214.301	10.715.019.167	10.715.019.167
Người mua trả tiền trước trong nước	1.363.447.955	1.363.447.955	1.155.513.000	1.155.513.000
Cộng	10.691.662.256	10.691.662.256	11.870.532.167	11.870.532.167

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
 Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
 thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2016
MẪU SỐ B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	719.337.640.571	719.337.640.571	1.834.519.842.347	1.479.312.808.615	364.130.606.839	364.130.606.839
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	251.496.726.848	251.496.726.848	609.172.562.669	509.317.815.695	151.641.979.874	151.641.979.874
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ii)	171.628.133.601	171.628.133.601	426.273.967.488	329.829.335.450	75.183.501.563	75.183.501.563
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Dương (iii)	99.576.454.817	99.576.454.817	271.235.838.125	216.268.402.407	44.609.019.099	44.609.019.099
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iv)	94.643.858.291	94.643.858.291	236.179.899.809	172.070.783.270	30.534.741.752	30.534.741.752
- Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội (v)	37.681.324.615	37.681.324.615	94.732.024.255	76.856.464.385	19.805.764.745	19.805.764.745
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (vi)	30.146.984.505	30.146.984.505	78.964.554.067	48.817.569.562	-	-
- Ngân hàng Citibank, N.A. Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (vii)	30.096.673.200	30.096.673.200	87.664.963.214	87.699.864.820	30.131.574.806	30.131.574.806
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhhan Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (viii)	4.067.484.694	4.067.484.694	30.296.032.720	38.452.573.026	12.224.025.000	12.224.025.000
Cộng	719.337.640.571	719.337.640.571	1.834.519.842.347	1.479.312.808.615	364.130.606.839	364.130.606.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(i) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01.06/2016-HĐTDHM/NHCT340-ANPHAT ngày 01 tháng 06 năm 2016 với hạn mức cho vay là 350 tỷ đồng. Thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2016 đến ngày 31 tháng 05 năm 2017, lãi suất vay được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 160060/NHNTHD ngày 02 tháng 08 năm 2016 với hạn mức cho vay là 250 tỷ đồng, thời gian của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, phù hợp với lãi suất theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản của Công ty với tổng giá trị 5.980.000.000 đồng.

(ii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 150118/NHNTTD ngày 23 tháng 07 năm 2015 với hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng, thời gian của hạn mức là 05 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất vay ưu đãi là 4.6%/năm đối với VND, là 1.7%/năm đối với USD, các lượt thay đổi lãi suất sẽ có thông báo. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa bên vay, bên thứ ba với ngân hàng.

(iii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2366.16.270.300401.TD ngày 13 tháng 01 năm 2016. Với hạn mức cho vay là 60 tỷ đồng, thời gian của hợp đồng hạn mức là 12 tháng, lãi suất vay phụ thuộc vào từng khe ước nhận nợ (4,8%/năm). Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 28230.16.270.300401.TD ngày 11 tháng 08 năm 2016. Với hạn mức cho vay là 130 tỷ đồng, thời gian cấp hạn mức tín dụng đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, lãi suất vay phụ thuộc vào từng khe ước nhận nợ, thời hạn các khoản hạn mức không được quá 04 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo các hợp đồng thế chấp.

(iv) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/1347719/HĐTDHM ngày 25 tháng 05 năm 2016. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 31 tháng 05 năm 2017. Hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa bên vay, bên thứ ba với ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(v) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Bangkok Đại chúng - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số BBL-HN 07/2013 ngày 28 tháng 10 năm 2013, phụ lục bổ sung ngày 21 tháng 10 năm 2016 với hạn mức cho vay là 8.000.000 USD. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo khoản tiền gửi tại ngân hàng tương đương 10% số tiền của thư tín dụng kể từ ngày mở thư tín dụng đến ngày thanh toán khoản vay nhập khẩu dưới thư tín dụng đó.

(vi) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính theo hợp đồng tín dụng hạn mức tín dụng số 733816/2016/HMTD/VPBANK - ANPHAT ngày 19 tháng 05 năm 2016 với hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời gian của hạn mức 12 tháng, lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, phù hợp với lãi suất theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

(vii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Citibank, N.A - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng ngày 16 tháng 3 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 2.500.000 USD, mục đích của khoản vay để sử dụng cho tín dụng thư nhập khẩu, các nhu cầu cho vay thanh toán nhập khẩu, chiết khấu chứng từ xuất khẩu, và các nhu cầu vốn lưu động ngắn hạn khác.

(viii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng số 130000142120/10 ngày 15 tháng 8 năm 2016, hạn mức 1.500.000 usd, thời gian của hạn mức không quá 12 tháng, lãi suất vay là MFC 3 tháng cộng 1,39%/năm với VND, là Libor 3 tháng cộng 2,15%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản quy định trên hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
 Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
 thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	288.407.348.038	288.407.348.038	186.180.733.424	54.036.046.652	156.262.661.266	156.262.661.266
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	120.300.000.000	120.300.000.000	68.000.000.000	14.000.000.000	66.300.000.000	66.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ii)	79.697.035.106	79.697.035.106	69.899.662.224	9.473.966.932	19.271.339.814	19.271.339.814
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương (iii)	51.599.241.732	51.599.241.732	12.009.000.000	26.407.454.720	65.997.696.452	65.997.696.452
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iv)	27.385.000.000	27.385.000.000	26.846.000.000	4.154.625.000	4.693.625.000	4.693.625.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 (v)	9.426.071.200	9.426.071.200	9.426.071.200	-	-	-
Vay cá nhân (vi)	92.606.640.000	92.606.640.000	92.606.640.000	-	-	-
- Nguyễn Thế Hiếu	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000	-	-	-
- Các cá nhân khác	40.606.640.000	40.606.640.000	40.606.640.000	-	-	-
Trái phiếu phát hành (vii)	446.562.500.000	446.562.500.000	151.125.000.000	1.500.000.000	296.937.500.000	296.937.500.000
Cộng	827.576.488.038	827.576.488.038	429.912.373.424	55.536.046.652	453.200.161.266	453.200.161.266



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

- (i) Vay trung hạn dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hai hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 02/2015/1347719/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2015 với tổng số tiền là 70 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn tự có, cơ cấu tài chính do đã đầu tư tài sản cố định trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 9.3%/năm, áp dụng lãi suất thỏa thuận thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2016/1347719/HĐTD ngày 23 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 68 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn tự có, cơ cấu tài chính do tham gia dự án đầu tư 12 máy thổi màng nhựa. Thời hạn vay trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm, áp dụng lãi suất thỏa thuận thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, hagn tồn kho chậm luân chuyển.
- (ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn phát sinh năm 2014 và năm 2015 với số tiền vay quy định trên từng hợp đồng và thời hạn vay từ 36 - 60 tháng. Mục đích sử dụng để phục vụ cho đầu tư mua sắm xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất từ 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay quy định từng hợp đồng thế chấp đã ký.
- Hợp đồng vay trung và dài hạn 01/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 13 tháng 04 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 4.470.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để đầu tư xây dựng công trình máy che nhà máy số 5. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng vay trung và dài hạn 02/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 12 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 7.968.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng vay trung và dài hạn 03/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 18 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 9.886.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 4/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 25 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 10.970.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn (tiếp theo)

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 06/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 06 tháng 06 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 2.800.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 05.07/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 05 tháng 07 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 8.800.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(iii) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn với số tiền vay quy định từng hợp đồng và thời hạn từ 50 - 60 tháng. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất các khoản vay từ 10,5%/năm đến 13,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.139/2016/HĐTĐ -DB/PGBank ngày 22/03/2016 với hạn mức tín dụng là 8.390.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 05 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.184/2016/HĐTĐ -DB/PGBank ngày 22 tháng 04 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 3.619.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 48 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(iv) Các khoản vay ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng sau:

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng số 150092/NHNTHD ngày 14 tháng 09 năm 2015 với tổng hạn mức là 784.000.000 đồng. Khoản vay được sử dụng để thanh toán tiền mua 01 con xe Camry phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam đồng cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bên cho vay. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 160107/HNNTHD ngày 30 tháng 12 năm 2016 với tổng hạn mức là 20.000.000.000 đồng. Mục đích của khoản vay là thực hiện thanh toán các chi phí phát sinh khi thực hiện "Chương án đầu tư mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh". Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay phát sinh trong tháng 12 năm 2016 là 8,4%/năm và có định trong 02 năm đầu tiên. Các năm tiếp theo xác định bằng lãi suất tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam trả sau cộng với mức biên (margin) là 2,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 04339616, kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương phát hành ngày 29 tháng 12 năm 2016.

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 160107/HNNTHD ngày 30 tháng 12 năm 2016 với tổng hạn mức là 20.000.000.000 đồng (20 tỷ đồng). Mục đích của khoản vay là thực hiện thanh toán các chi phí phát sinh khi thực hiện "Chương án đầu tư mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh". Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay phát sinh trong tháng 12 năm 2016 là 8,4%/năm và có định trong 02 năm đầu tiên. Các năm tiếp theo xác định bằng lãi suất tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam trả sau cộng với mức biên (margin) là 2,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 04339616, kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương phát hành ngày 29 tháng 12 năm 2016.

(v) Vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/1347719/HĐTD ngày 05 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền tương đương 44 tỷ đồng (đồng vay là USD). Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay để thanh toán chi phí đầu tư tài sản cố định là 20 máy thổi tốc độ cao. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng các hình thức sau:

- Khoản ký quỹ trên tài khoản thanh toán tại Ngân hàng với số tiền là 4.500.000.000 đồng;

- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 30331133.1TGKH/TCB tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương với số tiền là 5.136.590.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(vi) Các khoản vay cá nhân có lãi suất 6,5%/năm để bổ sung vốn kinh doanh lưu động.

(vii) Trái phiếu phát hành

Theo HĐ mua bán trái phiếu số 324/2015/VIB-AAA ngày 01 tháng 12 năm 2015 bên bán: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, bên mua: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam. Trái phiếu được phát hành là Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và đính kèm theo chứng quyền. Trái phiếu và chứng quyền được tách riêng kể từ ngày phát hành và được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Với mỗi một chứng quyền nhận được, người sở hữu chứng quyền được quyền mua 100 cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành. Chứng quyền bắt đầu được thực hiện sau 12 tháng kể từ ngày phát hành trái phiếu. Thời hạn thực hiện chứng quyền là ba năm kể từ ngày phát hành trái phiếu.

Mục đích phát hành trái phiếu để đầu tư xây dựng nhà máy mới, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Số lượng trái phiếu phát hành là 300.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/ trái phiếu. Với mỗi trái phiếu mua ban đầu, nhà đầu tư sẽ nhận được một (1) chứng quyền, tương ứng là 300.000 chứng quyền. Ngày phát hành 04 tháng 12 năm 2015 với kỳ hạn 03 năm, lãi suất 5,6%/ năm đầu tiên; Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng 1 lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà máy số 6 tại cụm công nghiệp An Đông- Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng; toàn bộ 966.582 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh do Công ty nắm giữ và 5 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát do cá nhân nắm giữ.

Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETTIBANK.HD ngày 06/09/2016 với bên mua: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương. Trái phiếu được phát hành với mục đích đầu tư nhà máy sản xuất bao bì nilon số 6, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, số lượng 150 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/ trái phiếu. Ngày phát hành là 06/09/2016 với kỳ hạn 05 năm, lãi suất 7,0%/ năm đầu tiên, Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng 1 lần và được xác định theo nguyên tắc bằng tổng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 2,0%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà máy số 6 tại cụm công nghiệp An Đông- Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	396.000.000.000	147.501.567.329	28.259.154.646	12.488.690.781	148.605.615.566	732.855.028.322
Vốn góp tăng trong năm	98.999.880.000	(93.000.000)	-	-	-	98.906.880.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	54.758.545.610	54.758.545.610
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.627.014.114	-	(9.067.535.285)	(5.440.521.171)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(98.999.880.000)	(98.999.880.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(876.213.000)	-	(876.213.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	494.999.880.000	147.408.567.329	31.886.168.760	11.612.477.781	95.296.745.891	781.203.839.761
Vốn góp tăng trong năm (i)	74.650.000.000	13.312.700.000	-	-	(4.000.000.000)	83.962.700.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	130.649.389.312	130.649.389.312
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	2.000.793.550	-	(5.365.879.385)	(3.365.085.835)
Trả cổ tức năm 2015 (ii)	-	-	-	-	(34.649.991.600)	(34.649.991.600)
Tạm ứng cổ tức năm 2016 (iii)	-	-	-	-	(51.899.988.000)	(51.899.988.000)
Số dư tại ngày 31/12/2016	569.649.880.000	160.721.267.329	33.886.962.310	11.612.477.781	130.030.276.218	905.900.863.638

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.18. Vốn chủ sở hữu

(i) Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 22 ngày 23 tháng 12 năm 2016 với vốn điều lệ là 569.649.880.000 đồng.

(ii) Phân chia các quỹ và chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1903/2016/NQ-ĐHĐ ngày 19 tháng 03 năm 2016, theo đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 8,4%, Quỹ đầu tư phát triển 5% và chia cổ tức trên Lợi nhuận sau thuế của năm 2015 với tỷ lệ 86,6%.

(iii) Việc tạm chia cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 021710/2016/NQ-ĐHĐ ngày 17 tháng 10 năm 2016 ký ngày 17 tháng 10 năm 2016, theo đó thông qua việc tạm chi cổ tức với tỷ lệ 10% lấy từ nguồn lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2016.

Mệnh giá CP phổ thông tại 30 tháng 6 năm 2016

Tỷ lệ tạm chia cổ tức

Cổ tức tạm chia

518.999.880.000

10%

51.899.988.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)***b. Các giao dịch về vốn với Chủ sở hữu*

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	494.999.880.000	396.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	74.650.000.000	98.999.880.000
- Vốn góp cuối năm	569.649.880.000	494.999.880.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	86.549.979.600	98.999.880.000

c. Cổ phiếu

	Năm 2016 Cổ phần	Năm 2015 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	56.964.988	49.499.988
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	56.964.988	49.499.988
- Cổ phiếu phổ thông	56.964.988	49.499.988
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	56.964.988	49.499.988
- Cổ phiếu phổ thông	56.964.988	49.499.988
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.054.755.011.168	1.523.377.869.886
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán thành phẩm	1.692.943.670.173	1.389.416.410.447
- Doanh thu bán hàng hóa	361.064.925.995	131.503.047.041
- Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	746.415.000	2.458.412.398
Doanh thu với các bên liên quan	57.062.602.005	47.939.656.376
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	57.062.602.005	47.939.656.376
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.607.150.157	1.416.290.965
- Chiết khấu thương mại		-
- Giảm giá hàng bán	603.204.566	1.173.113.692
- Hàng bán bị trả lại	1.003.945.591	243.177.273
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.053.147.861.011	1.521.961.578.921

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.446.163.603.080	1.227.661.358.071
Giá vốn hàng hóa đã bán	344.057.961.193	130.709.942.714
Giá vốn của dịch vụ gia công đã cung cấp	-	963.443.710
Cộng	1.790.221.564.273	1.359.334.744.495

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	2.960.256.554	4.242.262.691
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.766.074.000	28.532.910.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	17.657.068.307	10.930.276.829
Cộng	27.383.398.861	43.705.449.520

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)**6.4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	23.874.478.344	22.863.218.404
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	15.165.006.811	23.203.442.446
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	10.341.639.424	1.196.042.264
Cộng	49.381.124.579	47.262.703.114

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp và Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.631.553.450	4.209.927.052
Chi phí nhân công	16.558.679.528	13.221.797.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.815.858.168	5.786.603.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.561.847.739	6.183.803.399
Chi phí khác bằng tiền	9.791.979.131	5.589.214.953
Cộng	55.359.918.016	34.991.346.462
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	802.588.683	30.267.521.911
Chi phí nhân công	2.675.036.151	2.860.379.822
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.652.310.545	3.077.015.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.274.054.041	21.606.650.181
Chi phí khác bằng tiền	3.771.013.131	5.113.438.809
Cộng	42.175.002.551	62.925.006.115

6.6. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.645.182.072	709.617.149
Các khoản thu nhập khác	1.412.054.583	1.046.116.301
Cộng	8.057.236.655	1.755.733.450

6.7. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí khác	22.255.986	3.907.478
Cộng	22.255.986	3.907.478

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập DN	151.428.631.122	62.905.054.227
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(47.532.422.070)	(22.984.968.203)
Cộng: Chi phí không được trừ	2.191.227.598	1.861.818.161
Cộng: Lãi CLTG chưa thực hiện năm trước đã thực hiện năm nay	-	3.686.123.636
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	49.723.649.668	28.532.910.000
Tổng thu nhập chịu thuế	103.896.209.052	39.920.086.024
<u>Trong đó:</u>		
- Thu nhập chịu thuế không được hưởng ưu đãi	103.896.209.052	39.920.086.024
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	20.779.241.810	8.782.418.925
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	(635.910.308)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	20.779.241.810	8.146.508.617

6.9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.775.762.351.172	1.283.809.978.428
Chi phí nhân công	111.331.626.974	75.635.424.899
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.588.965.601	71.603.681.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.593.795.559	68.720.719.230
Chi phí khác bằng tiền	44.832.481.142	10.702.653.762
Cộng	2.120.109.220.448	1.510.472.458.311

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 và 5.17 trừ đi Tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay	1.546.914.128.609	520.393.268.105
<i>Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>271.195.540.667</i>	<i>340.135.133.873</i>
Nợ thuần	1.275.718.587.942	180.258.134.232
Vốn chủ sở hữu	905.900.863.638	781.203.839.761
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	140,82%	23,07%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	271.195.540.667	340.135.133.873
Phải thu khách hàng và phải thu khác	240.642.418.069	149.480.922.759
Các khoản ký quỹ	3.789.210.700	37.190.398.970
Cộng	515.627.169.436	526.806.455.602
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	1.546.914.128.609	817.330.768.105
Phải trả người bán và phải trả khác	306.433.407.232	199.974.026.265
Cộng	1.853.347.535.841	1.017.304.794.370

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

	Tài sản	
	31/12/2016	01/01/2016
Đô la Mỹ (USD)	9.573.488,35	8.570.628,35
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.968.184,59	4.421.418,39
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.605.303,76	4.149.209,96
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.684.863,74	1.005.338,00
Euro (EUR)	63.451,17	54.113,48
- Tiền và các khoản tương đương tiền	63.451,17	54.113,48
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.644,22	-
Bảng Anh (GPB)	89.800,65	27.756,69
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.864,12	27.756,69
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.936,53	-
Trung Quốc (CYN)	5.930,00	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	5.930,00	-
Đài Loan (TWD)	19.300,00	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	19.300,00	-
	Công nợ	
	31/12/2016	01/01/2016
Đô la Mỹ (USD)	42.582.904,55	19.274.255,42
- Các khoản vay	30.539.617,75	10.836.870,29
- Phải trả người bán và phải trả khác	11.634.716,85	8.002.461,94
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	408.569,95	434.923,19

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	271.195.540.667	-	271.195.540.667
Phải thu khách hàng và phải thu khác	240.642.418.069	-	240.642.418.069
Cộng	515.627.169.436	-	515.627.169.436
Tại 31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	306.433.407.232	-	306.433.407.232
Các khoản vay	719.337.640.571	827.576.488.038	1.546.914.128.609
Cộng	1.025.771.047.803	827.576.488.038	1.853.347.535.841
Chênh lệch thanh khoản thuần	(510.143.878.367)	(827.576.488.038)	(1.337.720.366.405)
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	340.135.133.873	-	340.135.133.873
Phải thu khách hàng và phải thu khác	149.480.922.759	-	149.480.922.759
Các khoản ký quỹ	37.190.398.970	-	37.190.398.970
Cộng	526.806.455.602	-	526.806.455.602
Tại 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	199.974.026.265	-	199.974.026.265
Các khoản vay	408.874.261.711	111.519.006.394	520.393.268.105
Cộng	608.848.287.976	111.519.006.394	720.367.294.370
Chênh lệch thanh khoản thuần	(82.041.832.374)	(111.519.006.394)	(193.560.838.768)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

7.2. Báo cáo bộ phận

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính.

7.3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan*****Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái
Công ty TNHH Nhựa Thakhek - CHDCND Lào
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Khoản mục	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	660.000.000	660.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	264.000.000	264.000.000
Lương và phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc	1.515.713.000	1.469.580.000
Cộng	2.439.713.000	2.393.580.000

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	57.062.602.005	47.939.656.376
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	57.062.602.005	47.939.656.376
Mua hàng hóa, dịch vụ	46.166.289.028	47.811.623.187
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	46.166.289.028	47.811.623.187

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên Quan (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	5.315.169.086	133.285.004
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (Trả trước cho người bán)	1.271.234.275	10.013.592.780

7.4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

7.5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

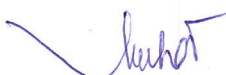
Chỉ tiêu “Trái phiếu chuyển đổi” trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được phân loại lại tại chỉ tiêu “Vay và nợ tài chính dài hạn” theo nội dung hợp đồng mua bán trái phiếu số 324/2015/VIB-AAA ngày 01 tháng 12 năm 2015.


NGUỒN VỐN	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	1.039.632.585.535	-	1.039.632.585.535
II. Nợ dài hạn	330	453.200.161.266	-	453.200.161.266
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	156.262.661.266	296.937.500.000	453.200.161.266
2. Trái phiếu chuyển đổi	339	296.937.500.000	(296.937.500.000)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.820.836.425.296	-	1.820.836.425.296



Phạm Anh Dương
Chủ tịch HĐQT

Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017


Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng


Hồ Thị Hòe
Người lập